

Trà Đóa

Đà Lạt và cung tơ chiều

Ông xe ôm ngoại lục tuần, nói với tôi, "Đà Lạt ngày nay mất nhiều thứ: mất thông, mất lạnh... và mất cả con người". Tiếng ông bật trong tiếng gió se se của buổi chiều trên con đường đến khu du lịch Langbian. Vẫn tiếng ông giải thích tiếp: "Trước 75, dọc khu trung tâm là những ngôi nhà gỗ nằm khuất dưới bóng thông. Buổi sáng đến 8 giờ sương còn chưa tan, lẫn khuất dọc đường, cách nhau vài thước không thấy được... Người Đà Lạt ngày xưa rất hiền hoà và mến khách... không như bây giờ".

Tôi hỏi: "Sao họ không giải toả khu trước chợ đi?"

Ông nói: "Chú thấy cái nhà hàng bên trái không, có người trả đến 1000 cây vàng rồi mà chưa chịu bán đó."

Tôi nghĩ: "Nếu Kiến trúc sư Ngô Viết Thụ còn sống, chắc ông ấy chẳng dám nhìn cái chợ này nữa".

Từ bờ kè Hồ Xuân Hương nhìn trực diện vào, nhưng chẳng thấy cái chợ nổi tiếng đầu cà. Phía bên trái là cái nhà hàng to đùng trị giá cả ngàn cây vàng, còn bên phải là dãy kiot với đủ thứ hàng quán. Cái chợ lọt thỏm ở giữa, trông thật tội nghiệp. Những bậc tam cấp nổi tiếng thơ mộng ngày trước cũng biến dạng và là nơi cho mấy bà bán ốc luộc.

Nhớ hôm qua định đi thác Cam Ly, nhưng ông xe ôm đã ngăn lại: "Đừng đi, hơi lắm, chỉ có nước cống thôi. Hay chú đi Thung lũng Tình yêu đi!" Tôi nghĩ thầm, "Hay ông này dụ mình đi cho xa". Nhưng tôi vẫn quyết định đi như ông gợi ý. Và quả thật ông xe ôm đã không lừa tôi. Thung lũng Tình yêu thật đẹp, ít ra vẫn còn những đôi thông hoang vắng xung quanh hồ. Tôi thuê một con vịt đập, rồi đập thẳng sang đôi thông bên kia, leo lên đỉnh đồi và nghe thông reo. Đây có lẽ là lần đầu tiên tôi nghe thông reo, như lời một bài hát trước 75.

Nhớ khi sáng, đi bộ lang thang qua khu trung tâm thành phố. Cả một khu trung tâm tuyệt không bóng cây. Những căn nhà hình ống hẹp ngang chen chúc nhau với vô vàn biển hiệu và hàng quán, trông giống như một khu phố của người Hoa ở quận 5 Sài Gòn. Những dãy biệt thự Pháp cũ đã xuống cấp trầm trọng. Giới chức chính quyền vẫn đang bàn nhau cách để giữ những kiến trúc này. Tôi thầm nghĩ nếu họ chịu giữ nó từ trước thì đâu đến nỗi.

Có ai đó đã nói trên báo là cần phải ứng xử có văn hóa với những di sản văn hóa. Điều này làm tôi nhớ lại cách mà các quan chức xứ Huế đối xử với cung điện Huế và lăng tẩm. Họ "sơn son thiếp vàng" lên bất kỳ chỗ nào có thể "sơn son thiếp vàng" được. Nên trông lăng tẩm giống như phòng cảnh cho tuồng hát bội. "Văn hóa" là từ thời thượng của quan chức chính quyền thời nay. Đi đâu cũng gặp văn hóa: khu phố văn hóa, hẻm văn hóa, công viên văn hóa, nhà văn hóa, gia đình văn hóa..., chỉ còn thiếu cái biển treo lên trước ngực mỗi người: "con người văn hóa" nữa thôi. Văn hóa nhiều thế, nhưng đàn Nam Giao thì đập mất, gái thì lấy Đài Loan... Văn hóa là thứ quá sức đối với các quan chức chính quyền. Nhưng có vẻ như họ lại "để dài" với "bọn tư bản". Cứ nhìn đồi Cù thì biết. Cả một dải đồi thật đẹp và thơ mộng nằm ngay trung tâm thành phố được rào lại kín mít, chỉ dành cho "bọn tư bản" vào chơi mà thôi. Đã lâu rồi, người dân thường Đà Lạt chưa có ai có cái diễm phúc được vào trong đó.

Khi xe chạy ngang qua một khu thưa thớt nhà, nhìn xuống bên dưới là thung lũng rộng lớn, lỗ chỗ những khu vườn nhà kinh trồng rau của dân. Cả thung lũng chỉ rặt một màu đất đỏ bầm được xới lên, không một bóng cây.

Tôi vẫn còn suy nghĩ miên man khi ông xe ôm dừng trước cổng khu du lịch. Tôi vào cổng mua một vé xe lên đỉnh, giá 25 ngàn. Chiếc xe u-oát của Liên Xô cũ được đồ lại, phóng như bay lên đỉnh núi. Con đường ngoằn ngoèo với nhiều dốc cua ngặt, hai bên vẫn còn nhiều thông già. Đỉnh núi Langbian là một khoảng đất tương đối bằng phẳng và không có thông. Đứng trên đỉnh núi có thể bao quát gần hết thành phố. Nhìn về phía tây là "suối vàng suối bạc Dankia", một vùng vẫn còn hoang sơ (như lời ông xe ôm). Nhưng cũng theo lời ông, nếu bây giờ không đến đó, mai một sẽ chẳng còn nữa mà đến, khi "anh ba anh bảy" chia nhau xong đất đai. Cảm giác trên đỉnh Langbian không phải là độ cao, mà là sự hỗn độn của kiến trúc Đà Lạt và sự thiếu vắng thông trong thành phố. Cũng như những đô thị khác ở Việt Nam hiện nay, Đà Lạt cũng phát triển tự phát và không theo quy hoạch nào. Sự phát triển tạp nham này đã biến thành phố mộng mơ này thành một nơi xô bồ và hỗn độn. Có một kiến trúc sư đã nói muốn chỉnh trang được các đô thị này chỉ có một cách duy nhất là "san phẳng và xây lại".

Trên đường đi về, tôi đem những điều đã thấy nói với ông xe ôm. Ông cười mà rằng: "Thì chú cứ nghĩ xem, từ giải phóng đến giờ không có lấy một bài hát về Đà Lạt. Làm sao mà mộng mơ cho nổi mà viết chứ". Điều này cũng giống như ở Huế. Đã lâu lắm rồi, ở đây người ta cũng chỉ hát đi hát lại mấy bài hát về Huế của Dương Thiệu Tước, Châu Kỳ hay của một số nhạc sĩ khác viết từ hồi tám hoành mà thôi.

"Nếu tôi chú thấy buồn, tôi chỉ cho một chỗ đi uống cà phê". Tôi hỏi lại: "Ở đâu?"

"Trên quả đồi, cạnh dinh III có một quán cà phê nhỏ nhưng rất 'độc'. Tôi chú cứ đến sẽ biết".

Tôi. Tôi thả bộ đi ngược lên hướng dinh III. Thú thật, nếu không đi uống cà phê thì chẳng biết làm gì ở cái nơi buồn tẻ này. Tôi đi cho có đi chứ chẳng chờ đợi điều gì đặc biệt. Từ chỗ rẽ đi vào dinh III, đường tối om. Tôi đi chậm chậm lên dốc. Được khoảng vài chục thước, hiện ra một cái bảng điện hiện rõ chữ: "Café Cung tơ chiếu". Tôi leo lên đồi, theo lối mòn qua một cánh cổng làm bằng lưới B40. Quán là một nhà mái tôn, vách gỗ, cửa kiếng – trông giống như nhà của một người làm vườn. Trong nhà kê trên dưới 20 chỗ ngồi. Khi tôi đến chỉ mới hơn 7 giờ tối, quán đã đầy một nửa. Tiếng nhạc nhẹ phát ra giọng ca Khánh Ly từ mấy cái loa vi tính gắn trên trần. Tôi vừa ngồi xuống đã thấy một phụ nữ khoảng trên bốn mươi, nhỏ người, gầy, miệng hút thuốc, bước đến bàn bên cạnh nhắc nhở mấy người đàn ông bụng phê đang nói chuyện hơi ồn: "Yêu cầu các anh nói chuyện nhỏ hơn tiếng nhạc. Ở đây chỉ có một yêu cầu là phải giữ yên lặng".

Tôi chờ đợi khá lâu mới có một thanh niên tóc dài bước lại hỏi dùng gì. Tôi gọi một ly rượu rum. Khi rượu đem ra, cũng là lúc người phụ nữ lúc này lấy cây đàn trên vách và bước ra cái bục gỗ làm sân khấu, ngay giữa nhà, và ngồi xuống. Chị hút thêm một hơi thuốc nữa rồi bắt đầu khảy đàn. Tiếng ghi ta thật ấm, và chị cất tiếng hát: "Ta sống trong vũng lầy..." – một bài hát của cặp song ca Lê Uyên-Phượng – những người Đà Lạt cũ. Giọng người phụ nữ khàn đục, giống giọng Lê Uyên. Rồi chị hát tiếp "Niệm khúc cuối" của Ngô Thụy Miên. Liên tục, chị hát rất nhiều, có nhiều bài tôi không biết. Sau một hồi, chị ngừng lại nhìn khách và cười nói:

"Tôi hát không hay, nhưng khi hứng thì tôi sẽ hát, bất chấp tất cả. Tôi mở quán cà phê là để nghe khách hát và cùng hát với khách. Bây giờ mời quý khách cùng hát cho vui. Khi các bạn hát một bài của nhạc sĩ nào, tôi sẽ đáp lễ lại bằng một bài hát cũng của nhạc sĩ đó".

Có một thanh niên bước ra tự giới thiệu là người Sài Gòn nghe tiếng của quán mà lên đây đi tìm. Sau đó anh ta hát một bài của Trịnh Công Sơn. Người phụ nữ đáp lại bằng bài "Đêm thấy ta là thác đổ"... Rồi cái cúi: khách hát, chị chủ đáp lại, liên tục, liên tục...

Vẫn những bài hát cũ, nhẹ và sâu sắc với giai điệu tuyệt vời – những bài hát đã làm nên dòng nhạc Việt sang trọng của miền Nam thời trước và ghi danh các nhạc sĩ, ca sĩ tài năng một thời...

Tôi bước ra ngoài, quán lúc này rất đông, không còn chỗ ngồi, có người ngồi chồm hổm ngay lối ra vào.

Hình như có ai đốt rác, khói trắng lên nghi ngút. Ô! không phải. Sương! Sương như khói trắng lan phủ khắp nơi. Lần đầu tiên tôi thấy sương nhiều như thế. Tôi bước xuống đồi. Tiếng hát của chị chủ còn vang vọng theo: "Ta sống trong vũng lầy..." Giọng khàn đục nhưng gào thét.

Ừ mà lạ chứ nhỉ. Có người phụ nữ quá thi, lên đồi hoang vắng mở quán cà phê để nghe và hát nhạc xưa - những bài hát và những con người của một thời vang bóng.

Tôi bắt giác thờ dài: Đà Lạt đâu có khác gì một người con gái lỡ thi. Và người con gái tài sắc ấy bị mất trinh, tàn phai nhan sắc chỉ vì bị những kẻ vũ phu... cưỡng hiếp.

Đà Lạt, 30/04/2006